

# 055 (Tiếp theo) Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của Vĩnh Long (Cont.) Some key socio-economic indicators of Vĩnh Long

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Sơ bộ Prel. 2021
<b>BẢO HIỂM - INSURANCE</b>							
<b>Số người tham gia bảo hiểm (Nghìn người) Number of insured persons (Thous. persons)</b>							
Bảo hiểm xã hội - Social insurance		79,0	82,6	87,8	100,6	109,9	116,4
Bảo hiểm y tế - Health insurance		748,1	825,2	862,0	898,4	922,4	934,6
Bảo hiểm thất nghiệp - Unemployment insurance		69,9	70,9	75,7	87,6	88,7	88,0
<b>Số người/lượt người được hưởng bảo hiểm Number of beneficiary persons</b>							
Bảo hiểm xã hội - Social insurance							
Số người hưởng BHXH hàng tháng (Nghìn người) Number of monthly social insurance beneficiaries (Thous. persons)		8,4	9,2	9,8	10,4	11,3	11,9
Số lượt người hưởng BHXH 1 lần (Lượt người) Number of one-time social insurance beneficiaries (Person)		54507	69355	82010	95906	101437	71011
Bảo hiểm y tế - Health insurance							
Số lượt người khám chữa bệnh BHYT (Nghìn lượt người) Number of health insurance beneficiaries (Thous. persons)		2727,6	3080,7	3274,7	3588,4	3125,9	2063,3
Bảo hiểm thất nghiệp - Unemployment insurance							
Số người hưởng BHTN hàng tháng (Người) Number of monthly unemployment insurance beneficiaries (Person)		5444	611	7058	7418	1115	8814
<b>Tổng số thu (Tỷ đồng) Total revenue (Bill. dong)</b>		<b>1551</b>	<b>1721</b>	<b>1892</b>	<b>2190</b>	<b>2402</b>	<b>2356</b>
<b>Tổng số chi (Tỷ đồng) Total expenditure (Bill. dong)</b>		<b>1537</b>	<b>1471</b>	<b>1649</b>	<b>2040</b>	<b>2157</b>	<b>2348</b>
<b>ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG INVESTMENT AND CONSTRUCTION</b>							
<b>ĐẦU TƯ - INVESTMENT</b>							
<b>Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành (Tỷ đồng) Investment at current prices (Bill. dong)</b>							
Khu vực Nhà nước - State	10866,7	11330,7	12604,2	13185,0	14186,5	14576,8	14212,8
Khu vực Ngoài Nhà nước - Non-State	2629,0	2067,4	2427,4	2819,2	3148,4	4299,5	4117,9
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài Foreign direct investment	7578,4	8118,0	9173,0	9348,5	9094,5	8028,8	8501,4
	659,4	1145,3	1003,7	1017,4	1943,6	2248,5	1593,6